

Số: 1829/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	
CÔNG VĂN ĐIỆN TỬ	
Số: 1896	Ngày: 01/7/2026
Chuyên: ...	
Số và ký hiệu HS: ...	

Căn cứ Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/3/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học,

học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, Hiệu trưởng các trường cao đẳng, Giám đốc các sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, KHCNTT.



Hoàng Minh Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUY ĐỊNH CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THỰC - ẢO TRONG GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số **1829**/QĐ-BGDĐT ngày **26** tháng **6** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về mục tiêu, nguyên tắc, thời gian, không gian, phạm vi, điều kiện, tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt; giám sát, kiểm tra, báo cáo; điều chỉnh, gia hạn, kết thúc thử nghiệm và trách nhiệm của các bên tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.

2. Công nghệ thực - ảo trong giáo dục bao gồm thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), thực tế hỗn hợp, thực tế mở rộng (MR, XR) và các công nghệ nhập vai tương tự, được sử dụng để hỗ trợ dạy học, học tập, thực hành, thí nghiệm, mô phỏng, hướng nghiệp, kiểm tra, đánh giá, đào tạo kỹ năng và quản lý giáo dục; áp dụng đối với các giải pháp mà pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể hoặc chưa phù hợp với việc thử nghiệm trong phạm vi, đối tượng, thời gian, không gian được kiểm soát.

3. Quy định này không áp dụng đối với sản phẩm trò chơi điện tử, giải trí thuần túy, y tế điều trị, quân sự hoặc sản phẩm có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục Việt Nam. Tổ chức tham gia thử nghiệm không được miễn trừ các nghĩa vụ pháp lý nằm ngoài phạm vi, nội dung thử nghiệm cụ thể được quy định tại Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm công nghệ thực - ảo trong giáo dục (sau đây gọi tắt là Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tham gia, phối hợp, quản lý hoặc giám sát thử nghiệm.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, nhóm đổi mới sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ có sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, thiết bị, học liệu, phần mềm, hệ thống hoặc mô hình ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục đề nghị tham gia cơ chế thử nghiệm.

3. Người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học chưa đủ tuổi thành niên, chuyên gia, tổ chức kiểm định, đánh giá, tư vấn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thử nghiệm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong giáo dục là cơ chế cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục triển khai có giới hạn giải pháp công nghệ thực - ảo trong môi trường giáo dục dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền nhằm đánh giá lợi ích, rủi ro, tính khả thi, tác động sư phạm, tác động sức khỏe, an toàn dữ liệu và cơ sở hoàn thiện chính sách.

2. Công nghệ thực tế ảo (Virtual Reality - VR) là công nghệ tạo ra môi trường mô phỏng số có khả năng tạo cảm giác nhập vai, trong đó người dùng tương tác với không gian ảo thông qua thiết bị hiển thị, điều khiển hoặc cảm biến chuyên dụng.

3. Công nghệ thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR) là công nghệ bổ sung, chồng ghép hoặc hiển thị thông tin, đối tượng, hình ảnh, âm thanh, mô hình ba chiều hoặc dữ liệu số lên môi trường thực nhằm hỗ trợ quan sát, tương tác và học tập.

4. Công nghệ thực tế hỗn hợp, thực tế mở rộng (Mixed Reality/Extended Reality - MR/XR) là công nghệ kết hợp các yếu tố của VR, AR và các công nghệ nhập vai khác, cho phép đối tượng số tương tác với môi trường thực hoặc tạo trải nghiệm học tập trong không gian thực - ảo tích hợp.

5. Giải pháp thử nghiệm là sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, hệ thống, thiết bị, học liệu số, mô hình triển khai hoặc phương thức tổ chức dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá có ứng dụng công nghệ VR, AR, MR, XR được đề nghị tham gia cơ chế thử nghiệm.

6. Học liệu số thực - ảo là bài học, mô phỏng, thí nghiệm ảo, phòng thực hành ảo, đối tượng số, cảnh quan số, mô hình 3D, kịch bản tương tác, tài liệu trực quan hoặc nội dung số khác được thiết kế để sử dụng trong hoạt động giáo dục.

7. Tổ chức đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm là tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nộp hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt tham gia cơ chế thử nghiệm.

8. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm là tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.

9. Người tham gia thử nghiệm là người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục hoặc cá nhân khác tự nguyện tham gia hoạt động thử nghiệm trong phạm vi được phê duyệt.

10. Dữ liệu thử nghiệm là dữ liệu phát sinh trong quá trình triển khai giải pháp thử nghiệm, bao gồm dữ liệu vận hành, dữ liệu tương tác, dữ liệu học tập, dữ liệu phản hồi, dữ liệu kỹ thuật và dữ liệu khác theo phạm vi được phê duyệt; dữ liệu này phải được quản lý theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch

điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.

Điều 4. Mục tiêu của cơ chế thử nghiệm

1. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hiện đại hóa giáo dục thông qua thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp VR, AR, MR, XR có giá trị sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, học tập, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm nghề nghiệp và phát triển năng lực người học.

2. Tạo môi trường thử nghiệm để đánh giá khách quan tính mới, lợi ích, chi phí, tính khả thi, tác động sư phạm, sức khỏe, xã hội, mức độ an toàn dữ liệu, an toàn thông tin, khả năng vận hành, tích hợp với hạ tầng giáo dục và khả năng mở rộng của giải pháp; đồng thời kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện và hạn chế rủi ro đối với người học, nhà giáo, cơ sở giáo dục, dữ liệu giáo dục, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

3. Xác định khoảng trống, điểm nghẽn, vướng mắc về học liệu số, thiết bị dạy học, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức y tế học đường, quy trình thẩm định học liệu, cơ chế mua sắm, quản lý dữ liệu, an toàn thông tin và quản lý công nghệ thực - ảo trong giáo dục; làm căn cứ thực tiễn để Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn chuyên môn, danh mục thiết bị dạy học, kho học liệu số và mô hình quản trị phù hợp.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện cơ chế thử nghiệm

1. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm:

a) Việc tiếp nhận, thẩm định, lựa chọn, phê duyệt, giám sát và đánh giá tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải bảo đảm tự nguyện, bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan;

b) Ưu tiên giải pháp có tính đổi mới sáng tạo, giá trị sư phạm rõ ràng, có khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn của giáo dục; có phương án khả thi về quản trị rủi ro, bảo vệ người học, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an toàn thông tin;

c) Việc xét duyệt phải lấy người học làm trung tâm; bảo đảm an toàn sức khỏe, tâm lý, dữ liệu, thông tin, quyền trẻ em và quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia thử nghiệm; không làm gián đoạn chương trình giáo dục cốt lõi, không thay thế sách giáo khoa, giáo trình, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, hoạt động kiểm tra, đánh giá chính thức, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong phạm vi thử nghiệm;

d) Giải pháp thử nghiệm phải phù hợp với lứa tuổi, cấp học, điều kiện thể chất, tâm lý, văn hóa, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận của người học; không tạo bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục; việc xử lý dữ liệu phải đúng mục đích, tối thiểu hóa, có căn cứ hợp pháp, minh bạch và không thương mại hóa dữ liệu người học, dữ liệu sinh trắc học, dữ liệu hành vi học tập khi chưa đáp ứng đầy đủ điều

kiện theo quy định của pháp luật. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát phải xác định rõ tên giải pháp, tổ chức tham gia, cơ sở giáo dục phối hợp, thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, giới hạn kỹ thuật, nội dung được phép thử nghiệm, nghĩa vụ báo cáo, chỉ số giám sát, ngưỡng cảnh báo rủi ro và cơ chế dừng khẩn cấp;

đ) Các mẫu đơn đề nghị, quyết định cấp phép, điều chỉnh, gia hạn, đình chỉ hoặc thu hồi liên quan đến cơ chế thử nghiệm trong Quy định này được thực hiện thống nhất theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ:

a) Hồ sơ được lập bằng tiếng Việt. Tài liệu do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự và được dịch ra tiếng Việt, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật;

b) Hồ sơ điện tử phải được ký số hợp lệ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; tài liệu, dữ liệu trong hồ sơ phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, trung thực, có khả năng kiểm chứng;

c) Tổ chức đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu, chứng nhận, cam kết trong hồ sơ và về mọi hậu quả phát sinh do thông tin sai lệch, giả mạo hoặc che giấu rủi ro;

d) Thông tin bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm trong hồ sơ được bảo mật theo quy định của pháp luật; việc cung cấp cho hội đồng, chuyên gia, đơn vị kiểm thử, cơ quan phối hợp phải phục vụ trực tiếp hoạt động thẩm định, giám sát, kiểm tra.

Điều 6. Thời gian, không gian và phạm vi thử nghiệm

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm công nghệ thực - ảo thuộc lĩnh vực quản lý của mình khi không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm được giới hạn tại một số khu vực, địa bàn của từ 02 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

2. Thời gian thử nghiệm được xác định trong Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát trên cơ sở tính chất giải pháp, cấp học, quy mô, mức độ rủi ro và mục tiêu đánh giá. Thời gian thử nghiệm thông thường không quá 24 tháng; trường hợp cần theo dõi tác động dài hạn hoặc triển khai ở quy mô liên tỉnh, thời gian thử nghiệm không quá 36 tháng tính từ thời điểm được phê duyệt.

3. Không gian thử nghiệm được giới hạn tại cơ sở giáo dục, lớp học, phòng học, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, hệ thống trực tuyến, địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh được ghi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. Giải pháp

thử nghiệm không được triển khai ngoài không gian, địa bàn, cơ sở giáo dục đã được phê duyệt.

4. Phạm vi thử nghiệm bao gồm cấp học, chương trình, môn học, học phần, chủ đề, hoạt động giáo dục, nhóm người học, số lượng người tham gia, loại thiết bị, phiên bản phần mềm, hạ tầng kỹ thuật, loại dữ liệu được xử lý, phương thức tích hợp và mức độ sử dụng trong hoạt động giáo dục. Mọi nội dung ngoài phạm vi đã được phê duyệt phải thực hiện thủ tục điều chỉnh theo Quy định này.

5. Việc gia hạn thử nghiệm chỉ được xem xét khi tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có nhu cầu, có báo cáo kết quả thử nghiệm, không phát sinh rủi ro nghiêm trọng chưa được khắc phục và việc gia hạn là cần thiết để đánh giá đầy đủ tác động. Trên cơ sở quy định về thời hạn gia hạn tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và bảo đảm phù hợp với chu kỳ năm học cũng như an toàn sức khỏe lứa tuổi của người học trong môi trường giáo dục, thời gian gia hạn không quá 12 tháng, không quá 01 lần và tổng thời gian thử nghiệm sau gia hạn không vượt quá 36 tháng, trừ trường hợp pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số cho phép thời hạn khác và được cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Việc thử nghiệm được triển khai theo nguyên tắc tăng dần quy mô: kiểm thử kỹ thuật trong môi trường phòng thí nghiệm; thử nghiệm giới hạn tại một số lớp, nhóm người học hoặc học phần; đánh giá giữa kỳ; sau đó mới xem xét mở rộng phạm vi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát hoặc Quyết định điều chỉnh.

7. Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày được phê duyệt, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải triển khai thử nghiệm theo kế hoạch, trừ trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

Điều 7. Điều kiện và tiêu chí tham gia cơ chế thử nghiệm

1. Giải pháp thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện chung sau đây:

a) Là sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, thiết bị, học liệu hoặc mô hình ứng dụng công nghệ số có tích hợp VR, AR, MR, XR hoặc công nghệ nhập vai tương tự trong giáo dục;

b) Có tính đổi mới sáng tạo, có khả năng mang lại lợi ích, giá trị gia tăng cho hoạt động giáo dục, thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục và chuyển đổi số giáo dục;

c) Có nội dung giáo dục chuẩn xác, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt, chuẩn đầu ra, chương trình, học phần, cấp học hoặc hoạt động giáo dục dự kiến triển khai; không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục;

d) Có phương án quản lý, khắc phục rủi ro và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia thử nghiệm, cơ sở giáo dục và tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Có phương án bảo đảm an toàn sức khỏe, an toàn tâm lý, an toàn thiết bị, vệ sinh thiết bị, an toàn điện, an toàn bức xạ, giới hạn thời lượng sử dụng phù hợp với lứa tuổi và tình trạng sức khỏe người học;

e) Có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu giáo dục, sao lưu, phục hồi, nhật ký hệ thống, xử lý sự cố, xóa hoặc ẩn danh hóa dữ liệu khi kết thúc thử nghiệm;

g) Có khả năng kết nối, cung cấp dữ liệu giám sát, báo cáo, nhật ký vận hành theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi được phê duyệt.

2. Tổ chức đăng ký phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp; có ngành nghề, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với giải pháp đề nghị thử nghiệm; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản hoặc bị hạn chế hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Có năng lực tài chính, nhân sự, kỹ thuật, vận hành, hỗ trợ người dùng, bảo hành, bảo trì để duy trì thử nghiệm liên tục trong thời gian được phê duyệt;

c) Người đại diện theo pháp luật, người phụ trách kỹ thuật, người phụ trách bảo vệ dữ liệu, người phụ trách chuyên môn giáo dục không thuộc trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc bị xử lý về hành vi nghiêm trọng liên quan đến an ninh mạng, dữ liệu cá nhân, gian lận, xâm hại trẻ em hoặc hành vi khác ảnh hưởng đến an toàn người học;

d) Có cơ chế phối hợp với cơ sở giáo dục, nhà giáo, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học chưa đủ tuổi thành niên; có phương án tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận phản ánh, giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại nếu phát sinh;

đ) Cam kết không quảng cáo, không bán hàng, không khai thác thương mại dữ liệu người học, không chuyển giao dữ liệu cho bên thứ ba ngoài phạm vi được phê duyệt và ngoài căn cứ pháp luật hợp lệ.

3. Hồ sơ được đánh giá theo bộ tiêu chí tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Tổ chức đăng ký phải đạt tối thiểu 70/100 điểm, đồng thời không có tiêu chí bắt buộc bị đánh giá không đạt. Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền quy định ngưỡng điểm cao hơn hoặc yêu cầu bổ sung tiêu chí đối với giải pháp có mức độ rủi ro cao, triển khai với người học chưa đủ tuổi thành niên hoặc xử lý dữ liệu nhạy cảm.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm

1. Tổ chức đăng ký gửi 01 bộ hồ sơ điện tử qua Cổng dịch vụ công của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia; trường hợp cần thiết có thể gửi bản giấy hoặc vật mang tin theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị tham gia cơ chế thử nghiệm;

b) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề hoạt động, điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động; quyết định hoặc nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền trong tổ chức về việc đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm;

c) Tài liệu mô tả cơ cấu tổ chức, nhân sự chủ chốt, cơ chế quản lý, phân công trách nhiệm khi triển khai thử nghiệm; hồ sơ năng lực của nhân sự phụ trách chuyên môn giáo dục, kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu, hỗ trợ người dùng;

d) Đề án mô tả giải pháp thử nghiệm, trong đó nêu rõ mục tiêu giáo dục, căn cứ sự phạm, nội dung học liệu, công nghệ sử dụng, kiến trúc hệ thống, thiết bị phần cứng, phần mềm, phiên bản, luồng dữ liệu, mô hình vận hành, bản trình diễn hoặc mô phỏng thử nghiệm, khả năng tích hợp với hệ thống của cơ sở giáo dục;

đ) Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, quy mô, lộ trình triển khai, điều kiện tham gia, kinh phí, nguồn lực, phương thức tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, phương án truyền thông, phương án lấy ý kiến đồng ý tham gia, phương án dừng và thoát thử nghiệm;

e) Báo cáo đánh giá tác động đối với người học, nhà giáo, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân liên quan; trong đó phải có đánh giá tác động sự phạm, tác động sức khỏe, tác động tâm lý, tác động đạo đức, tác động dữ liệu cá nhân, tác động bình đẳng tiếp cận và tác động đối với hoạt động giáo dục cốt lõi;

g) Báo cáo đánh giá lợi ích, tính mới, giá trị mới, khả năng mở rộng, khả năng thương mại hóa hoặc khả năng chuyển giao của giải pháp; đề xuất chỉ số đo lường kết quả và tiêu chí đánh giá thành công;

h) Phương án bảo đảm an toàn, bao gồm an toàn sức khỏe, an toàn thiết bị, an toàn điện, an toàn bức xạ, an toàn vệ sinh, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cơ chế giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả;

i) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu giáo dục, mã hóa, phân quyền, lưu trữ, sao lưu, phục hồi, ghi nhật ký, kiểm thử an toàn, ứng cứu sự cố, xóa, trả lại hoặc ẩn danh hóa dữ liệu khi kết thúc thử nghiệm;

k) Tài liệu chứng nhận, công bố, kiểm định, hợp chuẩn, hợp quy, chứng chỉ an toàn kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì của thiết bị phần cứng, kính VR/AR/XR, cảm biến, bộ điều khiển và thiết bị liên quan; trường hợp chưa có chứng nhận trong nước thì nộp chứng nhận quốc tế hoặc cam kết đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của cơ quan thẩm định;

l) Dự thảo thỏa thuận phối hợp với cơ sở giáo dục, dự thảo mẫu thông báo và văn bản đồng ý tham gia đối với người học, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp

pháp của người học chưa đủ tuổi thành niên; dự thảo quy trình tiếp nhận phản ánh, xử lý sự cố và báo cáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền yêu cầu tổ chức đăng ký bổ sung tài liệu chứng minh, mẫu thiết bị, tài khoản thử nghiệm, môi trường demo, báo cáo kiểm thử độc lập, kiểm thử an toàn thông tin, ý kiến của chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết cho việc thẩm định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm

1. Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu bổ sung, nếu tổ chức đăng ký không bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin có văn bản trả hồ sơ và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục, bộ, ngành, chuyên gia, tổ chức đánh giá độc lập có liên quan hoàn tất việc thẩm định hồ sơ. Nội dung thẩm định bao gồm thẩm định hồ sơ, thẩm định chuyên môn giáo dục, kiểm thử kỹ thuật, kiểm thử an toàn thông tin, đánh giá an toàn sức khỏe, kiểm tra thực tế hoặc yêu cầu thuyết trình, trình diễn giải pháp nếu cần thiết.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc tổ chuyên gia theo từng hồ sơ. Thành phần Hội đồng gồm đại diện Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, đơn vị quản lý cấp học hoặc lĩnh vực chuyên môn, chuyên gia sư phạm, chuyên gia công nghệ, chuyên gia an toàn thông tin, chuyên gia dữ liệu, chuyên gia y tế học đường, đại diện địa phương hoặc cơ sở giáo dục dự kiến tham gia và chuyên gia khác khi cần thiết.

5. Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin yêu cầu tổ chức đăng ký giải trình, làm rõ trong thời hạn 15 ngày. Tổ chức đăng ký được giải trình, hoàn thiện hồ sơ 01 lần; thời gian giải trình, bổ sung không tính vào thời hạn thẩm định.

6. Căn cứ kết quả thẩm định, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp không phê duyệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

7. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát phải xác định tối thiểu các nội dung: tên tổ chức tham gia; tên giải pháp; mục tiêu thử nghiệm; cơ sở giáo dục phối hợp; thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm; số lượng người tham gia; nội dung được phép triển khai; giới hạn sử dụng; nghĩa vụ bảo vệ

dữ liệu; chỉ số báo cáo; phương án giám sát; ngưỡng cảnh báo và dừng khẩn cấp; yêu cầu về bồi thường, khắc phục hậu quả; trách nhiệm của các bên.

8. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm chỉ được triển khai sau khi có Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và hoàn thành các điều kiện trước khi triển khai gồm ký thỏa thuận với cơ sở giáo dục, tập huấn nhà giáo, thông báo cho người tham gia, hoàn tất thủ tục chấp thuận tham gia đối với người học chưa đủ tuổi thành niên, kiểm thử vận hành, thiết lập kênh báo cáo và cơ chế dừng khẩn cấp.

Điều 10. Hoạt động giám sát và kiểm tra quá trình thử nghiệm

1. Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin chủ trì giám sát quá trình thử nghiệm; phối hợp với các đơn vị, địa phương, cơ sở giáo dục và tổ chức có liên quan kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. Hoạt động giám sát được thực hiện thông qua báo cáo, dữ liệu vận hành, kiểm tra trực tuyến, kiểm tra thực tế và phản ánh của các bên tham gia.

2. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thiết lập biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp, bảo đảm quản lý thời lượng sử dụng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu giáo dục, an toàn thông tin và cung cấp dữ liệu, nhật ký vận hành, báo cáo kỹ thuật theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi có dấu hiệu rủi ro, sự cố hoặc vi phạm quy định về phạm vi thử nghiệm. Trường hợp phát hiện nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn tâm lý của người học, dữ liệu, an toàn thông tin, nội dung giáo dục hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu tổ chức tham gia bổ sung biện pháp kiểm soát, giảm quy mô, tạm dừng một phần, tạm dừng toàn bộ hoặc áp dụng cơ chế dừng khẩn cấp.

Điều 11. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin

1. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng một lần, báo cáo giữa kỳ theo Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát, báo cáo kết quả khi kết thúc thử nghiệm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc khi phát sinh nguy cơ, sự cố.

2. Trường hợp xảy ra sự cố có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, an toàn tâm lý của người học; an toàn thông tin; dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu giáo dục, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải thông báo ngay cho cơ sở giáo dục và Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin.

3. Báo cáo phải phản ánh đầy đủ tiến độ, quy mô, kết quả triển khai, chỉ số sử dụng, phản hồi của các bên liên quan, kết quả sự phạm, sự cố phát sinh, biện pháp khắc phục và kiến nghị điều chỉnh. Báo cáo, dữ liệu và tài liệu liên quan được gửi bằng phương thức điện tử, có ký số khi cần thiết; dữ liệu cá nhân phải được ẩn danh hóa, giả danh hóa hoặc tổng hợp trước khi cung cấp, trừ trường hợp

pháp luật có quy định khác. Hồ sơ, nhật ký, dữ liệu và báo cáo liên quan đến thử nghiệm phải được lưu trữ tối thiểu 05 năm kể từ ngày kết thúc thử nghiệm.

Điều 12. Điều chỉnh, gia hạn giải pháp thử nghiệm

1. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải đề nghị điều chỉnh khi có thay đổi về mục tiêu, phạm vi, đối tượng, địa bàn, cơ sở giáo dục, quy mô người tham gia; thay đổi đáng kể về công nghệ, thiết bị, phần mềm, thuật toán, kiến trúc hệ thống, luồng dữ liệu, chính sách dữ liệu, nội dung học liệu, phương pháp đánh giá hoặc phát sinh yếu tố làm tăng rủi ro đối với người học, cơ sở giáo dục, dữ liệu và an toàn thông tin.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh gồm đơn đề nghị điều chỉnh, báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm đề nghị, giải trình lý do điều chỉnh, đánh giá tác động bổ sung, phương án quản trị rủi ro sau điều chỉnh và tài liệu liên quan.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tạm dừng thử nghiệm khi xảy ra sự cố, phát hiện nguy cơ rủi ro, có phản ánh có căn cứ về ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý, quyền lợi người học, dữ liệu, an toàn thông tin hoặc khi tổ chức tham gia chủ động đề nghị tạm dừng để khắc phục. Tổ chức tham gia chỉ được tiếp tục thử nghiệm sau khi đã khắc phục hoặc có phương án khắc phục được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

4. Tổ chức có nhu cầu gia hạn thử nghiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn trước khi hết thời hạn thử nghiệm tối thiểu 60 ngày, gồm đơn đề nghị gia hạn, báo cáo kết quả thử nghiệm, lý do và phương án gia hạn, đánh giá rủi ro cập nhật, cam kết nguồn lực và ý kiến của cơ sở giáo dục phối hợp.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định điều chỉnh, Quyết định gia hạn hoặc có văn bản từ chối, nêu rõ lý do. Trường hợp cần lấy ý kiến chuyên môn hoặc kiểm tra thực tế, thời hạn xử lý không quá 30 ngày làm việc.

Điều 13. Kết thúc thử nghiệm

1. Thử nghiệm kết thúc khi hết thời hạn theo Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát hoặc Quyết định gia hạn; theo đề nghị của tổ chức tham gia; khi quy định pháp lý chính thức đối với giải pháp đã có hiệu lực; hoặc khi Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định dừng thử nghiệm trước thời hạn theo Quy định này.

2. Trước khi kết thúc thử nghiệm tối thiểu 30 ngày, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm gửi hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm hoặc đề nghị cấp Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, gồm: đơn đề nghị, báo cáo tổng kết kết quả thử nghiệm, báo cáo đánh giá tác động, báo cáo về an toàn sức khỏe, an toàn thông tin và dữ liệu, kết quả xử lý phản ánh, khiếu nại, phương án xử lý dữ liệu, phương án bàn giao và tài liệu liên quan.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định dừng thử nghiệm và thu hồi Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát trong trường hợp tổ chức cung cấp thông tin sai lệch, không triển khai thử nghiệm đúng thời hạn, không thực hiện đúng Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát, cản trở kiểm tra, giám sát, không khắc phục sự cố sau thời hạn tạm dừng hoặc xảy ra sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến người học, dữ liệu, an toàn thông tin, quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan hoặc lợi ích công cộng.

4. Khi có Quyết định dừng thử nghiệm, tổ chức tham gia phải dừng tiếp nhận đối tượng tham gia mới, dừng cung cấp giải pháp ngoài hoạt động khắc phục, thông báo cho cơ sở giáo dục và người tham gia, bảo đảm quyền lợi người học, hoàn tất nghĩa vụ với các bên liên quan, xử lý khiếu nại, bồi thường thiệt hại nếu có và báo cáo kết quả xử lý theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét ban hành Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn hoặc có văn bản từ chối, nêu rõ lý do. Trường hợp cần kiểm tra thực tế, lấy ý kiến chuyên môn hoặc xử lý vấn đề phát sinh, thời hạn giải quyết không quá 30 ngày làm việc.

6. Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm là căn cứ để tổng kết, xem xét nhân rộng, cập nhật kho học liệu số, danh mục thiết bị, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn hoặc đề xuất hoàn thiện chính sách; không thay thế giấy phép, điều kiện đầu tư kinh doanh, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, thẩm định hoặc phê duyệt khác theo quy định của pháp luật; không được sử dụng làm phương tiện quảng cáo thương mại hoặc cam kết chất lượng sản phẩm thương mại trên thị trường khi chưa được cấp phép chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm các bên liên quan

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Giao Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình phê duyệt, giám sát, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thử nghiệm và đề xuất hoàn thiện chính sách. Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp thẩm định, kiểm tra các nội dung về chuyên môn, chương trình, học liệu, thiết bị, kiểm tra, đánh giá, dữ liệu, an toàn thông tin, bảo đảm quyền trẻ em, bảo đảm chất lượng và các vấn đề liên quan;

b) Công khai thông tin về tổ chức, giải pháp, thời gian, không gian, phạm vi thử nghiệm, kết quả hoàn thành hoặc dừng thử nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, dữ liệu cá nhân; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan trong thẩm định, kiểm tra, giám sát, xử lý vướng mắc, tổng kết và đề xuất chính sách.

2. Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ; về an toàn, chất lượng, hiệu quả, dữ liệu, nội dung, thiết bị, nhân sự, vận hành và mọi hoạt động trong quá trình thử nghiệm;

b) Thực hiện đúng Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát, Quy định này và pháp luật có liên quan; duy trì các điều kiện đã được thẩm định; không tự ý mở rộng phạm vi, thay đổi công nghệ, dữ liệu, thiết bị, học liệu hoặc đối tượng ngoài phạm vi được phê duyệt;

c) Có trách nhiệm bảo vệ người học, nhà giáo, cơ sở giáo dục và các bên liên quan; bảo đảm cơ chế đồng ý tham gia, rút khỏi thử nghiệm, tiếp nhận phản ánh, giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại nếu có; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu giáo dục; tổ chức tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì thiết bị, khắc phục sự cố, báo cáo và cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia thử nghiệm

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn, hướng dẫn, theo dõi, giám sát cơ sở giáo dục triển khai thử nghiệm tại địa phương; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, kịp thời báo cáo khi phát hiện rủi ro, sự cố hoặc vi phạm; tổng hợp kết quả, đánh giá tác động và đề xuất phương án nhân rộng, dừng triển khai hoặc hoàn thiện chính sách.

4. Cơ sở giáo dục tham gia thử nghiệm

a) Tham gia triển khai sau khi có Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và thỏa thuận phối hợp với tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm; bố trí điều kiện cần thiết để thực hiện thử nghiệm;

b) Thông tin đầy đủ cho người học, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp về mục tiêu, nội dung, quyền lợi, rủi ro, dữ liệu được xử lý và quyền rút khỏi thử nghiệm; theo dõi sức khỏe, tâm lý, phản hồi của người học, kịp thời dừng hoạt động khi có dấu hiệu bất thường và báo cáo sự cố theo quy định.

5. Người học, nhà giáo, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp

Có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, được lựa chọn tham gia hoặc rút khỏi thử nghiệm, được bảo vệ dữ liệu cá nhân, được phản ánh, khiếu nại, được hỗ trợ khi gặp sự cố và được bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật. Kết quả từ giải pháp thử nghiệm không được sử dụng làm căn cứ duy nhất để xếp loại, đánh giá, kỷ luật, phân luồng, tuyển chọn người học, trừ trường hợp đã được phê duyệt hoặc pháp luật có quy định./.

PHỤ LỤC

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THỰC - ẢO TRONG GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số ~~1829~~ /QĐ-BGDĐT ngày ~~26~~ tháng 6 năm 2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tổ chức đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm phải đạt tổng điểm tối thiểu 70/100, đồng thời không có tiêu chí bắt buộc bị đánh giá không đạt. Hội đồng thẩm định có thể kiến nghị yêu cầu bổ sung tài liệu, kiểm thử độc lập hoặc nâng ngưỡng điểm đối với giải pháp có rủi ro cao.

STT/ Nhóm	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Ghi chú
I	Tính sư phạm, nội dung và phù hợp chương trình	30	20	
1	Tính chính xác, khoa học, pháp lý, văn hóa của nội dung học liệu số thực - ảo; không có sai lệch kiến thức, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục (*)	10	8	Bắt buộc
2	Mức độ phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt, chuẩn đầu ra, chương trình, học phần, hoạt động giáo dục dự kiến triển khai	8	5	
3	Thiết kế sư phạm, mức độ tương tác, khả năng phát triển năng lực, năng lực số, năng lực thực hành, năng lực giải quyết vấn đề	6	4	
4	Tính hòa nhập, khả năng tiếp cận đối với người học có nhu cầu khác nhau; hỗ trợ nhà giáo tổ chức dạy học	3	2	
5	Khả năng tích hợp vào kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục mà không làm gián đoạn hoạt động cốt lõi	3	1	
II	An toàn sức khỏe, y tế học đường và bảo vệ người học	25	18	
6	Thiết bị phần cứng có nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận hoặc tài liệu chứng minh an toàn điện, bức xạ, vật liệu, tương thích điện từ, an toàn mắt hoặc tiêu chuẩn tương đương (*)	7	6	Bắt buộc
7	Cơ chế kiểm soát thời lượng sử dụng, cảnh báo nghỉ, tự động ngắt hoặc chuyển chế độ an toàn phù hợp với lứa tuổi (*)	6	5	Bắt buộc

STT/ Nhóm	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Ghi chú
8	Phương án theo dõi sức khỏe, tâm lý, vệ sinh thiết bị, phòng ngừa chóng mặt, đau mắt, say mô phỏng, kích ứng, động kinh cảm quang	5	3	
9	Quy trình xử lý sự cố, sơ cứu, dừng khẩn cấp, thông báo cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp/cơ sở giáo dục, bồi thường, bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính	5	3	
10	Cơ chế bảo vệ quyền trẻ em, quyền rút khỏi thử nghiệm, không ép buộc, không kỳ thị người không tham gia	2	1	
III	Công nghệ, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và giám sát	25	18	
11	Kiến trúc hệ thống rõ ràng, khả năng vận hành ổn định, sao lưu, phục hồi, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật	4	3	
12	Đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, phân quyền, nhật ký, kiểm thử an toàn, ứng cứu sự cố (*)	6	5	Bắt buộc
13	Đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu giáo dục; có bản đồ dữ liệu, mục đích xử lý, cơ sở xử lý, thời hạn lưu trữ, xóa/ẩn danh hóa dữ liệu (*)	7	6	Bắt buộc
14	Khả năng cung cấp dữ liệu giám sát, báo cáo điện tử, nhật ký vận hành, chỉ số sử dụng, chỉ số sự cố theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	4	2	
15	Hiệu năng kỹ thuật, độ ổn định đồ họa, độ trễ, khả năng tương thích hạ tầng trường học, khả năng hoạt động trong điều kiện kết nối hạn chế	4	2	
IV	Năng lực vận hành, quản trị rủi ro và giá trị chính sách	20	14	
16	Năng lực pháp lý, tài chính, nhân sự, kinh nghiệm triển khai, hỗ trợ người dùng, bảo hành, bảo trì trong suốt thời gian thử nghiệm	4	3	
17	Kế hoạch thử nghiệm khả thi, có lộ trình tăng quy mô, chỉ số đánh giá, phương pháp đo lường tác động, kế hoạch truyền thông và tập huấn	5	3	

STT/ Nhóm	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Ghi chú
18	Phương án quản trị rủi ro tổng thể, cơ chế khiếu nại, bồi thường, dừng thử nghiệm, bàn giao, kết thúc hợp đồng, xử lý dữ liệu sau thử nghiệm	6	5	Bắt buộc
19	Giá trị thực tiễn đối với hoàn thiện chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, danh mục thiết bị, học liệu số và khả năng nhân rộng bền vững	5	3	

(*): Là tiêu chí bắt buộc phải thực hiện. 

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 07 năm 2026

Quyết định số 1829/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục

Kính chuyển¹:	Ban Giám hiệu
Ý kiến của Ban Giám hiệu²:	
- <i>ay</i> - <i>Đoàn</i> - <i>Cử đơn vị</i>	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến của lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện³:	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến của lãnh đạo đơn vị phối hợp thực hiện⁴:	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến đề xuất của người giải quyết⁵:	
.....	
.....	

¹ Phần này dành cho Trường Phòng TCHC: ghi rõ tên của thành viên Ban Giám hiệu sẽ cho ý kiến chỉ đạo đối với văn bản đến này

² Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của Ban Giám hiệu giao đơn vị, cá nhân chủ trì; các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có); thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến phân phối, giải quyết, ký tên.

³ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân chủ trì giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁴ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁵ Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân và ngày tháng đề xuất ý kiến, ký tên.